

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BÀ ĐIỂM**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BÀ ĐIỂM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Võ Thị Tuyết Phương	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Luyến	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thư ký hội đồng Tổ trưởng chuyên môn – tổ mầm	Thành viên	
5	Trần Thị Hồng Hạnh	Tổ trưởng chuyên môn – tổ nhà trẻ	Thành viên	
6	Nguyễn Ngọc Trang	Tổ trưởng chuyên môn – tổ Chồi	Thành viên	
7	Trần Minh Tuyết	Tổ trưởng chuyên môn – tổ lá	Thành viên	
8	Lý Thị Thu Lài	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
9	Cao Thị Kim Hoàng	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên	
10	Huỳnh Huy Phương Thảo	Kế toán	Thành viên	

TP. HỒ CHÍ MINH - 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thực) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	42
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	43
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	45
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	47
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	49
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	51
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	55
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	56
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	61
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	62
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	65
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	67
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	70
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	73
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>		X	X	
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>		X	X	
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>		X	X	
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>		X	X	
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	

<i>Tiêu chuẩn 5</i>		X	X	
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Mầm non Bà Điểm

Tên trước đây (nếu có): Mẫu giáo Bé Ngoan 4

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn
Xã / phường/thị trấn	Bà Điểm
Đạt CQG	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1994
Công lập	X
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên Hiệu trưởng	Võ Thị Tuyết Phương
Điện thoại	0398278469
Fax	
Website	http://mnbadiem.hcm.edu.vn
Số điểm trường	2
Loại hình khác	Không có
Thuộc vùng khó khăn	Không có
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	4	4	4	4	4
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	6	6	6	6	4
Cộng	15	15	15	15	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	15	15	15	15	13	
1	Phòng kiên cố	15	15	15	15	13	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	3	3	3	4	4	
1	Phòng kiên cố	3	3	3	4	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1	
V	Phòng y tế	1	1	1	1	1	
	Cộng	21	21	21	22	20	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	28	28	1	4	9	15	
Nhân viên	15	12	0	0	15	0	
Cộng	50	46	2	1	19	18	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	34	31	32	32	28
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	70/6 = 11.6	75/5 = 15	76/6 = 12.6	70/6 = 11.6	70/6 = 11.6
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối	580/28 = 20.7	573/26 = 22.0	474/26 = 18.2	499/26 = 19.2	470/22 = 21.3

	với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	4	0	7	0	0
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

T	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	650	648	550	569	540	
	- Nữ	318	305	202	324	252	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
2	Đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	260	260	218	190	210	
5	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
6	Bán trú	650	648	550	569	540	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	580 trẻ/13 lớp = 44.6	573 trẻ/13 lớp = 44.0	474 trẻ/13 lớp = 36.4	499 trẻ/13 lớp = 38.3	470 trẻ/11 lớp = 42.7	

8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	70 trẻ/02 nhóm = 35	75 trẻ/02 nhóm = 37.5	76 trẻ/02 nhóm = 38	70 trẻ/02 nhóm = 35	70 trẻ/02 nhóm = 35	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	70	75	76	70	70	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	135	130	115	120	113	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	171	174	155	151	182	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	274	269	204	228	175	

b) Công tác phổ cập giáo dục mầm non và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi mầm non tới trường	650/978 (66.46%)	648/911 (71.13%)	550/883 (62.28%)	569/580 (98.1%)	540/500 (108%)	
Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	274/274 (100%)	269/269 (100%)	204/204 (100%)	228/230 (99%)	175/175 (100%)	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non Bà Điểm được thành lập trên cơ sở sát nhập 02 đơn vị: Nhà trẻ Tân Thới Nhất và Trường Mẫu giáo Bé Ngoan 4 theo quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Khu vực xung quanh trường là địa bàn đông dân cư thuộc xã Bà Điểm nên thuận tiện cho việc đưa đón trẻ đến trường. Trường có 02 điểm gồm: Điểm chính tọa lạc tại số 153 ấp Tiền Lân, khu Dân cư Hoàng Hải, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, được xây mới năm 2010 với tổng diện tích đất 3.759,7m², trong đó diện tích xây dựng 2.405m², diện tích sân chơi 1.640,70m². Cơ sở 01 tại địa chỉ số 10/9 ấp Trung Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn với tổng diện tích sử dụng 282.3m².

Trên 27 năm xây dựng và phát triển, Trường Mầm non Bà Điểm luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, nhất là sự quan tâm sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương:

- Từ năm 1994 đến năm 2013 trường liên tục đạt Tập thể Lao động tiên tiến.
- Năm 2014 đến 2020 trường đạt Tập thể Lao động xuất sắc.
- Năm 2017 trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ I.
- Công đoàn đạt Vững mạnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt Mạnh, Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2006 đến 2014. Năm 2015 đến năm 2018 đạt Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2019 đến nay đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá:

- Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường Mầm non Bà Điểm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non Bà Điểm tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 01 tháng 01 năm 2021: Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi Họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 02 tháng 01 năm 2021 đến ngày 14 tháng 02 năm 2021: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 29 tháng 2 năm 2021: Thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 05 tháng 02 năm 2021 đến ngày 10 tháng 3 năm 2021: Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 12 tháng 03 năm 2021: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Bà Điểm xây dựng kế hoạch năm học hằng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Bà Điểm có hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 09 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-02].

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế hoạch năm học trường đã thực hiện từng học kỳ. Hội đồng thi đua giúp nhà trường

nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai, theo đúng quy trình...[H1-1.2-03].

Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ, rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Hồ sơ sáng kiến của hội đồng thi đua lưu trữ chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công các thành viên hội đồng thi đua cập nhật, sắp xếp hồ sơ sáng kiến đầy đủ, thứ tự từng giáo viên hợp lý, khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà

trường.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Nhà trường có chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Bà Điểm, Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường [H1-1.03-01]. Có tổ chức công đoàn cơ sở gồm 45 công đoàn viên trực thuộc Công đoàn giáo dục Huyện Hóc môn [H1-1.03-02], Có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực thuộc Đoàn xã Bà Điểm [H1-1.03-03]. Trường có các tổ chức xã hội: Hội Chữ thập đỏ [H1-1.03-04], Hội khuyến học [H1-1.03-05].

Chi bộ nhà trường gồm có 18 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 15 giáo viên), tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo các mặt hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-01]. Công đoàn cơ sở gồm 46 công đoàn viên trực thuộc Công đoàn giáo dục Huyện Hóc môn, Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liên đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-02]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 9 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Bà Điểm, đạt chi đoàn vững mạnh nhiều năm liên [H1-1.3-03]. Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-04], Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học xã Bà Điểm, đạt chi hội xuất sắc [H1-1.3-05].

Hằng năm tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá. Năm 2020 chi bộ nhà trường đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01], công đoàn cơ sở đạt vững mạnh [H1-1.3-02], chi đoàn đạt vững

mạnh [H1-1.3-03].

Mức 2:

Chi bộ trường Mầm non Bà Điểm có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 03 năm 2016, 2017, 2018 đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2019, 2020 chi bộ nhà trường đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01];

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến kinh nghiệm, vận động đóng góp ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như hiến máu nhân đạo... Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên như vườn hoa, vườn rau. Đoàn thể giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-01]. Hằng năm, Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của hội chữ thập đỏ huyện [H1-1.3-04]. Hội khuyến học nhà trường có chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn. [H1-1.3-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 03 năm đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh, 02 năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01];

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như hỗ trợ văn nghệ, các hội thi nông thôn mới của xã Bà Điểm nhưng còn hạn chế trong việc đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, đa dạng, chưa phát huy hiệu quả các phong trào.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021- 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường. Ngoài ra, nhà trường tham gia cùng hội

khuyến học xây dựng kế hoạch hoạt động phong phú, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động khuyến học, khuyến tài.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Bà Điểm là trường hạng I, nhà trường được bố trí cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.04-01].

Trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm 01 tổ cấp dưỡng (06 cấp dưỡng) và 04 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên khối Nhà trẻ, 01 tổ giáo viên khối Mầm, 01 tổ giáo viên khối chồi, 01 tổ giáo viên khối lá). Tổ văn phòng gồm 03 cán bộ quản lý, 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 văn thư, 03 bảo vệ, 03 phục vụ [H1-1.04-02].

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1-04-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần [H1-1-04-04].

Mức 2:

Năm học 2020 - 2021 tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 03 chuyên đề cấp trường “**Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non**”; Chuyên đề “**Nâng cao chất lượng đổi mới hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non**”; Chuyên đề “**Tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm**” [H1-1.4-05].

Hàng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường nhưng hiệu quả chưa cao.

Tổ chuyên môn của nhà trường thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Các tổ đề ra nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2021-2022 và những năm tiếp theo Nhà trường có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, đề ra nội dung sinh hoạt phong phú, hiệu quả, tăng cường dự các buổi sinh hoạt bồi dưỡng chuyên môn trong tổ khối để nâng cao chất lượng hoạt động của tổ ngày một tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 13 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1-05-01].

+ Nhóm 25-36 tháng : 02

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 03

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 04

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 04

100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Năm học 2021-2021 toàn trường có tổng số 540 trẻ, trong đó có:, 02 nhóm 25-36 tháng (70 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (113 trẻ), 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (182 trẻ), 06 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (175 trẻ) [H1-1.05-01]. Số trẻ của lớp Lá còn cao theo Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Nhà trường có 11 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ ngày.

3. Điểm yếu

Số trẻ của các lớp còn cao theo Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022, trường duy trì phân chia số trẻ đúng độ tuổi. Song song đó, nhà trường tiếp tục thực hiện lộ trình giảm sĩ số trẻ/ lớp theo Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, sổ sách của nhà trường được thực hiện như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], hồ sơ thi đua [H1-1.6-02], hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-03], sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04], hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05], hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-06]. Hồ sơ có đầy đủ. Tuy nhiên, sắp xếp chưa khoa học theo đúng quy định của luật lưu trữ.

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-09];

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-11].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-07].

Mức 3:

Chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật hồ sơ lưu trữ chưa chặt chẽ và khoa học.

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời, phân công Phó Hiệu trưởng hướng dẫn, kiểm tra giáo viên ghi sổ tài sản nhóm lớp chặt chẽ, khoa học hơn. Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H1-1.7-01].

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Bảng phân công được Cán bộ quản lý họp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định. Hàng năm nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

2. Điểm yếu

Nhà trường còn 4/28 giáo viên chưa đạt chuẩn, chiếm tỉ lệ 14.28%

Chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, tạo điều kiện

cho đội ngũ về thời gian để học tập nhằm đáp ứng trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ theo qui định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với thông tư 28/2016/TT-BGDĐT sửa đổi chương trình giáo dục mầm non, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục của các lớp được Tổ trưởng chuyên môn và Phó Hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ. [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Tuy nhiên, còn một số giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng hiệu cao quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến để tất các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà

trường, ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016. [H1-1.9-01].

Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1-09-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trong các buổi họp nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng để mọi người làm việc tốt hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ. Tuy nhiên, bếp ăn của trẻ được đặt cạnh phòng học nên làm ảnh hưởng tiếng ồn đến trẻ.

Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn đạt được thành tích tốt trong các phong trào thi đua của ngành và của trường

Điểm yếu cơ bản:

- Nhà trường chưa có phương hướng chiến lược cho nhiều năm.
- Hồ sơ sáng kiến của hội đồng thi đua lưu trữ chưa đầy đủ.
- Hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, đa dạng, chưa phát huy hiệu quả các phong trào.
- Các tổ đề ra nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa phong phú.
- Số trẻ của các lớp chưa đúng theo Điều lệ trường mầm non.
- Việc cập nhật hồ sơ lưu trữ chưa chặt chẽ và khoa học.
- Nhà trường còn 4/28 giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn về chuyên môn, chiếm tỉ lệ 14.28%. Chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp.
- Một vài giáo viên, nhân viên nhà trường ít tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non Bà Điểm đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ trường mầm non. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của

đội ngũ như: Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, bảo vệ quyền lợi chính đáng để giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác 22 năm, trong đó có 10 năm làm công tác quản lý. Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục có thời gian công tác 19 năm với 07 năm làm công tác quản lý, Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 23 năm với 01 năm làm công tác quản lý. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có bằng Đại học Sư phạm mầm non. Cán bộ quản lý đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-01].

Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có

chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Hiệu trưởng đã qua lớp cử nhân quản lý giáo dục, lớp bồi dưỡng chuyên viên, 02 Phó hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Hiệu trưởng và lớp bồi dưỡng chuyên viên [H1-1.6-01].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị-hành chính. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.6-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Có 03/03 - tỷ lệ 100% Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, được sự tín nhiệm cao từ tập thể và phụ huynh.

3. Điểm yếu

Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, trường tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho Phó hiệu trưởng học tập kinh nghiệm quản lý từ bạn đồng nghiệp để nâng cao nghiệp vụ quản lý nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của ngành học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ: Gồm 28 giáo viên, trong đó: 06 giáo viên phụ trách nhóm 25-36 tháng và 22 giáo viên phụ trách 11 lớp mẫu

giáo: 03 lớp 3-4 tuổi; 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.7-02].

Trường có 28/28 giáo viên - tỉ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

Hàng năm, nhà trường đánh giá xếp loại giáo viên, năm học 2020-2021 có 12/28 giáo viên đạt mức khá - tỉ lệ 42.8%, 16/28 giáo viên đạt yêu cầu - tỉ lệ 57.14% [H2-2-02-02].

Mức 2:

Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có (15/28 giáo viên đạt tỉ lệ 53.5% [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp:

+ Năm học 2016-2017 có 32/32 giáo viên - tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ khá trở lên.

+ Năm học 2015-2016, 2016-2017 có 34/34 giáo viên, năm học 2017-2018 có 31/31 giáo viên - tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ khá trở lên.

+ Năm học 2018-2019 có 05/32 giáo viên đạt mức khá - tỉ lệ 15.6%, 27/32 giáo viên đạt yêu cầu - tỉ lệ 84.3% [H2-2.2-02].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trường có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: 15/28 giáo viên - tỉ lệ 53.5% [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 28/28 giáo viên - tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó có 12/28 giáo viên - tỉ lệ 42.85% xếp loại khá năm học 2020-2021 [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 04/28 - tỷ lệ 14.28% giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn chuyên môn. 09/28 giáo viên đạt trình độ cao đẳng sư phạm mầm non. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuẩn chuyên môn, tạo điều kiện thời gian cho 04 giáo viên trình độ trung cấp và 09 giáo viên trình độ cao đẳng tham gia học Đại học Sư phạm mầm non, dự kiến hoàn thành tốt nghiệp vào năm học 2022. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chuẩn nghề nghiệp đạt từ khá trở lên theo qui định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Bà Điểm có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các hoạt động của nhà trường do Hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ,

06 nhân viên cấp dưỡng và 02 giáo viên kiêm nhiệm chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn [H2-2.3-01].

Nhân viên đều được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: Kế toán có trình độ Trung cấp chuyên ngành kế toán, y tế có trình độ trung cấp y sĩ; 06 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02]; Tuy nhiên, nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non [H2-2.3-02]..

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Kế toán có trình độ Trung cấp chuyên ngành kế toán; y tế có trình độ trung cấp y sĩ; 01 nhân viên văn thư trình độ sơ cấp, 06 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn, 03 nhân viên bảo vệ được đào tạo về nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.2-01].

Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên cấp dưỡng chưa có trình độ trung cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra tạo điều kiện động viên cấp dưỡng học lớp Trung cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

Nhà trường còn 04/28 - tỷ lệ 14.28% giáo viên đạt trình độ trung cấp, 09 giáo viên trình độ cao đẳng. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn còn thấp.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên tỷ lệ còn thấp.

Nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng diện tích đất là 3.759,7 m², cơ sở 1 với diện tích sử dụng 282,3 m², bình quân 7,4 m²/trẻ. Trường được xây dựng kiên cố, một trệt, một lầu, nền được lát gạch không trơn trượt, riêng nền nhà nhóm 25 – 36 tháng được lát bằng gỗ. Nhà trường chưa đảm bảo đủ diện tích cho trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Một phần khuôn viên trường có tường rào bao quanh. Tuy nhiên, một phần rào phía sân sau với diện tích 57m chưa kiên cố còn dùng tôn che chắn; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Cổng chính có biển tên trường theo qui định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

Nhà trường có 02 sân chơi với diện tích: Điểm chính 1.494,7m²; cơ sở 1 80m²; được qui hoạch, thiết kế phù hợp với đặc điểm khuôn viên trường: Khu chơi cát và nước, khu trò chơi vận động. Điểm chính của trường có hiên chơi tại 11/11 nhóm, lớp dành cho trẻ sinh hoạt, vui chơi, học tập với tổng diện tích 701m², trung bình 1,2m²/trẻ; có tường bao quanh cao 1,2m đảm bảo an toàn cho trẻ. Cơ sở 1 không có hiên chơi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trường có cây xanh, vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ ươm cây, chăm sóc giúp trẻ khám phá, học tập. An toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ đều được hoạt động. H3-3.1-03].

Mức 2:

Trường có diện tích xây dựng công trình 3.759,7 m² và diện tích sân vườn 1.494,7 m² đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

Một phần khuôn viên trường có tường rào bao quanh; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02], [H3-3.1-04].

Khu vực trẻ chơi tại điểm chính có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn luôn sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: cầu trượt, leo núi, bập bênh nhún, cầu trượt, đu quay; xích đu, cầu thăng bằng, cầu trượt liên hoàn. Tuy nhiên, cơ sở 1 do diện tích chật hẹp, các thiết bị đồ chơi ngoài trời chưa đa dạng [H3-3.1-05].

Mức 3:

Sân vườn tại điểm chính có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế,

đảm bảo an toàn cho trẻ. Phân hiệu cơ sở 1 không có khu vực riêng để trẻ hoạt động phát triển vận động [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng đạt theo quy định. Sân vườn tại điểm chính có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

3. Điểm yếu

Phân hiệu cơ sở 1 không có sân vườn, chưa đủ các thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho trẻ phát triển vận động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng kế hoạch trang bị các đồ dùng, đồ chơi ngoài trời phù hợp với diện tích tại phân hiệu cơ sở 1.

6. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường có 13 phòng học, trong đó có 02 phòng nhóm nhà trẻ và 11 phòng lớp mẫu giáo. Trong đó 02 phòng nhóm 25-36 tháng, 3 phòng lớp 3-4 tuổi, 4 phòng lớp 4-5 tuổi, 4 phòng lớp 5-6 tuổi. Các phòng đều được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, khoa học thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

Phòng sinh hoạt chung: Trường Mầm non Bà Điểm có 02 cơ sở: Điểm chính 11 phòng học diện tích phòng sinh hoạt chung 995m², bình quân 1,9m²/trẻ; cơ sở 1 có 02 phòng học diện tích 110m², bình quân 1,7m²/trẻ; có đủ ánh sáng, thoáng mát, nền nhà khô sạch; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt; lớp được trang bị tủ kệ, tivi, đầu đĩa, casset, máy vi tính, kệ đồ chơi, đồ dùng, cá nhân phục vụ hoạt động của cháu đảm bảo an toàn, đúng qui cách bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]. Phòng giáo dục nghệ thuật 65m², có lịch sinh hoạt cụ thể. Phòng giáo dục nghệ thuật có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, đàn casio, máy casset, trang phục. Trường không có phòng giáo dục thể chất [H3-3.2-03].

Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-04].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-05].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: Guitar, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục... Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh:

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có phòng giáo dục thể chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường bố trí tận dụng sảnh trường để sắp xếp đồ dùng giáo dục thể chất phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho cô và trẻ được hoạt động tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hành chính, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.3-01].

Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: Hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế họp, tủ đựng hồ sơ, có các biểu bảng theo quy định, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu [H3-3.3-02].

Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự [H3-3.3-03].

Mức 2:

Các phòng hành chính - quản trị có diện tích 16 m², đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện tích 64 m² được xây dựng kiên cố, đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi. Tuy nhiên, nhà xe giáo viên-nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của trường. [H3-3.1-01].

Mức 3:

Nhà trường không có văn phòng để tổ chức hội họp CB-GV-NV. Tuy nhiên, tận dụng phòng âm nhạc để làm phòng hội họp [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng với diện tích phù hợp yêu cầu và đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên; có phòng bảo vệ, nhà để xe cho cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu:

Nhà xe giáo viên nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 nhà trường sẽ có kế hoạch cân đối kinh phí mở rộng nhà xe đáp ứng nhu cầu sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường chưa có nhà bếp mượn tạm phòng học để làm bếp ăn diện tích 75m² bố trí theo quy trình bếp ăn một chiều; khu vực nhà bếp có 02 cửa riêng biệt ra vào, phân biệt khu vực sống, chín, bếp ăn được nhà trường trang bị đầy đủ: Tủ hấp cơm, tủ sấy chén, xe đẩy thức ăn cho trẻ, kệ, tủ mát lưu thức ăn, đồ dùng nhà bếp được inox hóa 100%, trường có tủ thực phẩm được nhân viên sắp xếp gọn, sạch sẽ. Trường thực hiện kiểm kê theo quy định và có kế hoạch bổ sung đồ dùng phục vụ bán trú đạt hiệu quả [H3-3-04-01].

Nhà trường có kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-02].

Có 01 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, thực phẩm [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhà bếp được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 1 chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.4-04]. Có đầy đủ đồ dùng

bằng inox như: Tủ hấp cơm, máy xay thịt, máy xay sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.4-05]; bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn [H3-3.4-06]; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.4-07]. Tuy nhiên, trường mượn phòng học để làm bếp ăn, sử dụng chưa đúng chức năng của phòng.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT).

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Điểm yếu

Nhà trường mượn phòng học để làm bếp ăn, sử dụng chưa đúng chức năng của phòng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo để có hướng giải quyết xây dựng nhà bếp cho trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3-05-01].

Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: Các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm... đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3-05-02]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa chú ý đến độ bền cao.

Trước khi vào năm học mới, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi tự làm. [H3-3-05-03].

Mức 2:

Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Phần mềm Imas, EPmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản [H3-3-05-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas. [H3-3-05-05].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3-05-06].

Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai,...) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3.3.05.07].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường đều có thực hiện mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của đồ dùng, đồ chơi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

- a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;
- b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phòng vệ sinh cho các nhóm, lớp, có phòng vệ sinh riêng cho giáo viên, riêng có 05 phòng vệ sinh dành riêng cho Cán bộ, nhân viên đảm bảo luôn khô ráo, sạch sẽ thuận tiện trong sinh hoạt hằng ngày [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]. Trường không có trẻ khuyết tật. Phòng vệ sinh của lớp các bồn tiểu trai được trang bị vách ngăn.

Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và vệ sinh cá nhân. Có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-04]; CB-GV-NV và các cháu được uống nước khoáng của công ty nước Saka. [H3-3.4-08].

Trường thực hiện ký hợp đồng với nơi thu gom rác. Hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

Mức 2:

11/13 nhóm, lớp có phòng vệ sinh khép kín, 2 lớp tại cơ sở 1 còn sử dụng nhà vệ sinh chung. Trang bị đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân, được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và quan sát, mỗi bồn vệ sinh đều có vòi xịt rửa, có ghế bô cho trẻ nhà trẻ, vòi xịt cho cô làm vệ sinh cho trẻ. [H3-3.6-07]. Trường có 2 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.6-08].

Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Công Ty cổ phần cấp nước Trung An, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-08]; [H3-3.6-04]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải. Bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-09].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các lớp học đều có nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Phòng vệ sinh của trẻ tại cơ sở 1 còn sử dụng chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch dự trù kinh phí xây dựng phòng vệ sinh khép kín cho trẻ tại cơ sở 1 vào năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Phân hiệu cơ sở 1 không có sân vườn, chưa đủ các thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho trẻ phát triển vận động.

Trường chưa có phòng giáo dục thể chất.

Nhà xe giáo viên nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của trường.

Nhà trường mượn phòng học để làm bếp ăn, sử dụng chưa đúng chức năng của phòng.

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền cao.

Phòng vệ sinh của trẻ tại cơ sở 1 còn sử dụng chung.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp toàn thể Ban đại diện Cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện Cha mẹ học sinh được 09 thành viên, gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký và 06 ủy viên; hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-02].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4-4.1-03]. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình

ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sơ bé ngoan, sơ liên lạc để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-04].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Điều lệ ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Hằng năm, trường tham mưu, phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; ký kết quy chế phối hợp với công an xã Bà Điểm về đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo. [H4-4.1-03].

Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với công an xã, xã đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-02]; phối hợp với trạm y tế xã tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-04]

Mức 2

a) Hằng năm nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để có các chính sách phù hợp như việc phân tuyến học sinh trên địa bàn, tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm chỉ đạo các ấp phối hợp cùng nhà trường thực hiện công tác phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, huy động trẻ trên địa bàn ra lớp [H4-4.2-03]; [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học An toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H1-1.8-04]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội bé đến trường, tết Trung Thu, lễ hội giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, lễ hội tết và mùa xuân, giỗ tổ Hùng Vương, tham quan trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05].

Mức 3

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vài nhiều hoạt động của nhà trường.

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non Bà Diễm thực hiện Chương trình

giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ. [H1-1.8-02].

Cuối học kỳ, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ. [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2

28/28 giáo viên đạt tỷ lệ 100% số giáo viên biết áp dụng, thực hiện chương trình.

100% nhóm, lớp xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Cuối học kỳ, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H5-5.1-01]. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Năm học 2020-2021, số trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 540/540 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ toàn trường, số trẻ đạt tốt trên các lĩnh vực giáo dục với tỉ lệ như sau: Thể chất: 540/540 trẻ tỉ lệ 100%, nhận thức: 528/540 trẻ tỉ lệ 97.7%, ngôn ngữ: 517/540 trẻ tỉ lệ 95.7%, thẩm mỹ: 470/540 trẻ tỉ lệ 87%, tình cảm và kỹ năng xã hội: 531/540 trẻ tỉ lệ 98.3%, có 175/175 trẻ 5-6 tuổi được chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%; 175/175 trẻ lớp lá trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% [H5-5.1-02].

Mức 3

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra. Chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm- cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu. Giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại. [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động. Ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài chơi, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, nơi tham quan các hoạt động trải nghiệm hơi xa trường nên khó khăn trong công tác di chuyển.

2. Điểm mạnh:

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm với nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu:

Nơi tham quan các hoạt động trải nghiệm hơi xa trường nên khó khăn trong công tác di chuyển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

Cán bộ quản lý có kế hoạch phối hợp phụ huynh để tổ chức tốt nhất việc di chuyển khi tổ chức cho trẻ tham quan, trải nghiệm hoặc mời nghệ nhân đến hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ.[H5-5.3-01].

Năm học 2020-2021: 540/540 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng-dư cân-béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động dư cân [H5-5.3-03]. Năm học 2018-2019,

tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 72/550, đầu ra là 25/556, phục hồi 47/72 tỉ lệ: 65.3% . Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 38/550, đầu ra là 2/556, phục hồi 36/38 đạt tỷ lệ 95%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 29/550 trẻ, đầu ra là 2/556, phục hồi 27/29 đạt tỷ lệ 93%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 19/550, đầu ra là 1/556, phục hồi 18/19 đạt tỷ lệ 94.7% [H5-5.3-03].

Mức 2

Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H5-5.3-01].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT). Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. Các thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaour, bánh flan [H5-5.3-04].

Trường tổ chức cân cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ. Năm học 2020-2021, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 72/550, đầu ra là 25/556, phục hồi 47/72 tỉ lệ: 65.3% . Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 38/550, đầu ra là 2/556, phục hồi 36/38 đạt tỷ lệ 95%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 29/550 trẻ, đầu ra là 2/556, phục hồi 27/29 đạt tỷ lệ 93%. Số

lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 19/550, đầu ra là 1/556, phục hồi 18/19 đạt tỷ lệ 94.7% [H5-5.3-03].

Mức 3

Tính đến thời điểm đánh giá có 530/556 tỷ lệ 95.3% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.[H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh:

Trường phối hợp tốt với trạm y tế xã Bà Điểm trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ đạt 95.3% . Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Sân trường rộng, thoáng, an toàn cho trẻ vận động.

3. Điểm yếu:

Trẻ suy dinh dưỡng mãn vẫn còn, không giảm được 100% đến cuối năm.

Tỉ lệ trẻ béo phì còn cao (25/556 tỷ lệ 4.5%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại đơn vị. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, cho trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học. Trẻ đi học chuyên cần đạt 90.66% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 92% trẻ lứa tuổi khác đạt 89.32%. Tuy nhiên, một số trẻ còn nghỉ học do phụ huynh cho trẻ về quê, tham quan du lịch. [H5-5.4-01].

Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi. Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2016-2017 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi chưa đạt 95%; trẻ dưới 5 tuổi chưa đạt 90% [H5-5.4-01].

Trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%
[H5-5.4-02]

Năm học 2016-2017 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2020-2021, trường có 175/175 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100%. [H5-5.4-02].

Năm học 2016-2017 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ chuyên cần đạt trên mức quy định: trẻ 5 tuổi đạt 92%, trẻ lứa tuổi khác đạt 89.32%. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2020-2021, trường có 175/175 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần chưa cao so với trường bạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và nâng cao được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mang tính khả thi. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ đạt những kỹ năng phù hợp với độ tuổi, phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Trẻ suy dinh dưỡng mãn vẫn còn, không giảm được 100% đến cuối năm.
Tỉ lệ trẻ béo phì còn cao (25/556 tỷ lệ 4.5%).

Trong sinh hoạt chuyên môn, còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

Trường xa nơi tổ chức cho trẻ tham quan các hoạt động trải nghiệm nên khó khăn trong công tác di chuyển.

Tỉ lệ trẻ đi học chuyên cần chưa cao so với trường bạn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

PHẦN III:

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non Bà Điểm đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25, tỉ lệ 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 2: 21/25, tỉ lệ 84%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 3: 07/18, tỉ lệ 38.8%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt Mức 3: 14/18, tỉ lệ 77%.

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 1.

- Trường Mầm non Bà Điểm đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của Trường Mầm non Bà Điểm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, ban đại diện cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

Hóc Môn, ngày 14 tháng 3 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Võ Thị Tuyết Phương